

1

Môi trường thành phố Đ, hai Ông điều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: 45 Đường H2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: khu phố 6, Phường X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh E; Anh F; Anh L, Địa chỉ: Khu phố 10, Phường X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị M. Địa chỉ: Khu phố 10, Phường X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung Đơn khởi kiện ngày 03/01/2018 của ông A và bà B trình bày như sau:

Năm 1992, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, vợ chồng ông A và bà B đã đưa gia đình từ Hà Tĩnh trở về quê hương sinh sống và gia nhập Hợp tác xã Nông nghiệp ĐA, Phường X, thị xã Đ (nay là thành phố Đ). Được sự động viên, khuyến khích của chính quyền địa phương nên gia đình khai hoang đất đai, xử lý bom mìn, làm nhà sinh sống. Lúc bấy giờ, đây là vùng đất bỏ hoang, Nhà nước khuyến khích sử dụng. Gia đình ông A và bà B đã đăng ký sử dụng để làm nhà ở, trồng cây ăn quả, rau đậu, khoai sắn, có diện tích khoảng gần 4.000 m² nhưng diện tích đăng ký 3.302 m². Vào ngày 10/12/1994, gia đình được UBND Phường X đã có ý kiến xác nhận sử dụng diện tích 300 m² đất ở.

Từ năm 2000 đến năm 2002, UBND tỉnh Quảng Trị ra chủ trương thu hồi toàn bộ đất của gia đình ông, bà tại Phường X, thị xã Đ để thực hiện xây dựng hai dự án: *Dự án xây dựng đường H2 nối dài* và *Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư hai bên đường H2*. Các quyết định thu hồi đất cho hai dự án, cụ thể như sau:

+ Quyết định thu hồi đất số: 874/QĐ-UB ngày 19/6/2000 của UBND tỉnh Quảng Trị thu hồi đất của gia đình ông A thửa đất số 90 loại đất T với diện tích 185 m²;

+ Quyết định thu hồi đất số 3046/QĐ-UB ngày 07/12/2001 của UBND tỉnh thu hồi đất của gia đình ông A 04 thửa đất với tổng diện tích 3.501 m² cụ thể như sau: Thửa đất số 259, loại đất RTS, diện tích: 48m²; Thửa đất số 281, loại đất RTS, diện tích: 427m²; Thửa đất số 291, loại đất T, diện tích: 2.278m²; Thửa đất số 416, loại đất RTS, diện tích: 748m². Tổng cộng diện tích thu hồi của hai dự án là: 3.686m².

UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành các quyết định bồi thường như sau:

+ Quyết định số 2016/QĐ-UB ngày 09/11/2000 và Quyết định 1058/QĐ-UB ngày 14/5/2001 đền bù diện tích thửa đất số 90, loại đất T, với diện tích 185 m²;

+ Quyết định số 1242/QĐ-UB ngày 20/6/2002 bồi thường diện tích 2.158m^2 ; Quyết định số 2063/QĐ-UB ngày 26/9/2002 bồi thường diện tích 839m^2 . UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 22/12/2006 trả lại diện tích là 120m^2 .

Như vậy, tổng diện tích đã được bồi thường và trả lại là: $185\text{ m}^2 + 839\text{m}^2 + 2.158\text{m}^2 + 120\text{m}^2 = 3.302\text{ m}^2$. Vì vậy, diện tích thu hồi nhưng chưa bồi thường là: $3.686\text{ m}^2 - 3.302\text{ m}^2 = 384\text{ m}^2$

Do việc bồi thường của UBND tỉnh Quảng Trị chưa đúng nên gia đình ông A và bà B đã nhiều lần gửi đơn kiến nghị đến UBND tỉnh Quảng Trị. Ngày 21/9/2017, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Công văn số 4696/UBND- TN về việc xử lý tồn tại tại dự án xây dựng cơ sở hạ tầng hai bên đường H2 nối dài năm 2001-2002 với nội dung: “Riêng kiến nghị của hộ ông A về diện tích 384 m^2 Nhà nước thu hồi nhưng chưa bồi thường, hỗ trợ, giao UBND thành phố Đ rà soát, kiểm tra và xác định giữa diện tích thu hồi tại Quyết định số 3046/QĐ-UB ngày 07/12/2001 của UBND tỉnh Quảng Trị và diện tích đất đã bồi thường, nếu kiến nghị của ông A đúng thì tổ chức thực hiện theo Mục 2 Công văn số 4118/UBND-CN ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh.

Ngày 07/11/2017, gia đình ông A và bà B tiếp tục gửi đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Ngày 30/11/2017, UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 2225/UBND- TTPTQĐ về việc trả lời kiến nghị của công dân có nội dung: “Việc gia đình kiến nghị thiếu diện tích đất thu hồi là 384m^2 chưa được bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở”.

Ông A và bà B cho rằng, UBND thành phố Đ đã không căn cứ vào số liệu tại các Quyết định hành chính về thu hồi và bồi thường của UBND tỉnh Quảng Trị để kiểm tra, xem xét, mà lại sử dụng tài liệu không có giá trị pháp lý là vi phạm nguyên tắc giải quyết.

Quá trình thu hồi và bồi thường, UBND tỉnh đã căn cứ vào thực trạng sử dụng đất của gia đình có diện tích lớn hơn diện tích đăng ký và ban hành Quyết định thu hồi theo diện tích sử dụng lớn hơn đó. Nhưng với mục đích không trả lại diện tích chưa bồi thường nên UBND thành phố Đ lại ra nhiều lý do không khách quan, khi thì sử dụng số liệu tại sổ đăng ký, khi thì căn cứ vào Biên bản giải quyết thắc mắc với các hộ gia đình.

Điều cùng giải quyết một vấn đề nhưng tại Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ lại tham chiếu bản pho to “Biên bản ngày 13/7/2002” của các cán bộ phường, thị xã làm căn cứ pháp lý thu hồi điều chỉnh lại thửa đất 291 với diện tích 3.117m^2 làm cơ sở cân đối tính toán số liệu, phương pháp tính toán này mâu thuẫn với trả lời kiến nghị tại Văn bản số 704/UBND-TTTr ngày 20/12/2007 và trái với cách tính toán tại Văn bản số 345/UBND-TTPTQĐ ngày 30/3/2015 của UBND thành phố Đ. Vì vậy, ông A và bà B yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị những vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ về việc trả lời kiến nghị của công dân.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố Đ thực hiện ban hành công văn mới kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị ra quyết định trả lại cho gia đình ông, bà diện tích đất 384m² đã bị thu hồi xây dựng dự án Khu dân cư hai bên đường H2 nổi dài nhưng chưa bồi thường.

Trong quá trình giải quyết, người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 như sau:

- Hành vi thực hiện bồi thường của UBND thành phố Đ là sai, làm xâm phạm quyền lợi của hộ gia đình:

+ Nhận thấy hộ gia đình thuộc diện bồi thường theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998: Tự khai hoang để sản xuất nông nghiệp trước ngày 15/10/1993.

+ Mặc dù hộ gia đình có tên trong “Sổ mục kê” nhưng khi giải quyết bồi thường không thuộc diện căn cứ diện tích ghi tại “Sổ mục kê” để bồi thường. Vì theo quy định tại điểm e khoản 6 Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 thì hộ gia đình không thuộc trường hợp có tên trong “Sổ địa chính”. Vì vậy, UBND thành phố Đ chốt diện tích được bồi thường là 3.302 m² là sai.

+ Hộ gia đình không trồng rừng mà là hộ gia đình nông dân sản xuất nông nghiệp và không vi phạm chính sách sử dụng đất nên không thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998. Vì vậy, phần phụ lục của Quyết định 1242: Mục V- Hỗ trợ khác: Hỗ trợ trồng cây lâm nghiệp 1.223 m² là sai.

+ Tính diện tích đất bồi thường thiếu, trong lúc đó đưa không diện tích chi trả hỗ trợ không có trong quyết định thu hồi với diện tích chi không hỗ trợ 1.223 m² với giá trị 367.000 đồng. Do hộ gia đình đã nhận tiền nay đồng ý quy đổi ra diện tích bồi thường 367.000đồng: 14.938 đồng/m² = 24,5 m².

Như vậy, diện tích đất hỗ trợ quy đổi sang diện tích bồi thường thì bồi thường giai đoạn 1 tại Quyết định 1242 được tính lại như sau: 2.158 m² + 24,5 m² = 2.182,5 m².

+ Diện tích bồi thường thiếu so với Quyết định thu hồi: 3.686 m² - 185 m² - 2.182,5 m² - 839 m² - 120 m² = 359,5 m².

- Theo sổ mục kê được quản lý tại UBND Phường X (trang 182) thì hộ gia đình Ông A không có việc trồng rừng, chỉ có UBND Phường X có 03 thửa đất trồng rừng.

- UBND thành phố Đ thực hiện nhiệm vụ bồi thường cho hộ gia đình đã không căn cứ quyết định thu hồi để giải quyết bồi thường cho hộ gia đình, làm xâm phạm đến lợi ích gia đình khi Nhà nước thu hồi đất.

- Theo bản đồ giải thửa số 25 được lập năm 2000 và trang 182 sổ mục kê năm 2000 thì hộ gia đình chỉ có 03 thửa đất: Thửa đất số 17: diện tích 3.302 m²;

Thửa đất số 18: diện tích 427 m^2 (Đất Hg/b); Thửa đất số 14: Diện tích 48 m^2 (Đất Hg/b)

Tổng cộng 03 thửa đất là: 3.777 m^2 . Tuy nhiên, UBND tỉnh Quảng Trị đã thu hồi với diện tích 3.686 m^2 . Chênh lệch giữa diện tích đang sử dụng với diện tích theo quyết định thu hồi là: $3.777 \text{ m}^2 - 3.686 \text{ m}^2 = 91 \text{ m}^2$

Vì vậy, ông A và bà B đề nghị TAND tỉnh hủy Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ và kiến nghị UBND tỉnh trả lại hộ gia đình diện tích đất: $359,5 \text{ m}^2 + 91 \text{ m}^2 = 450,5 \text{ m}^2$.

Nội dung sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện của người khởi kiện ngày 12/9/2018 như sau:

- Bản đồ thu hồi đất được tách thành 03 thửa. Nhưng tờ bản đồ giải thửa số 25, tại thửa số 17 có diện tích 3.302 m^2 thì thửa này đã được thu hồi 185 m^2 để thực hiện dự án đường H2 nối dài theo Quyết định 874. Như vậy diện tích còn lại là: $3.302 \text{ m}^2 - 185 \text{ m}^2 = 3.117 \text{ m}^2$. Trong lúc đó tại Bản đồ thu hồi đất, giao đất thì thửa đất có diện tích còn lại này được tách thành 03 thửa: Thửa đất số 291 có diện tích 2.278 m^2 đất loại T, thửa đất số 415 có diện tích 512 m^2 , loại đất: suối; thửa đất số 416 có diện tích 748 m^2 , loại đất RTS. Tổng cộng 03 thửa đất là: 3.538 m^2 . Diện tích đất này lớn hơn diện tích của thửa đất còn lại là $3.538 \text{ m}^2 - 3.117 \text{ m}^2 = 421 \text{ m}^2$.

Diện tích ghi trong bản đồ thửa số 415 nói trên ghi diện tích 512 m^2 . Nhưng Quyết định 3046 thì phần diện tích này lại được thu hồi cho UBND Phường X. Tại danh sách đất bị thu hồi thì cho thấy: Tại số thứ tự 63, chủ sử dụng đất bị thu hồi là UBND Phường X thửa số 415, diện tích 512 m^2 , loại đất Mnhg (suối).

Như vậy, số thửa 415 có diện tích ghi trên bản đồ là 512 m^2 thuộc đất của gia đình trong thửa số 17 tại tờ bản đồ giải thửa được tách ra nhưng UBND tỉnh xác định không đúng chủ sử dụng đất nên gia đình không được bồi thường.

Tổng diện tích người khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị trả lại cho gia đình là: $962,5 \text{ m}^2$.

Tại phiên tòa người khởi kiện yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ về việc trả lời kiến nghị của công dân.

- Yêu cầu Tòa án kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị trả lại cho hộ gia đình ông A và bà Nguyễn Thị Hương diện tích đất 521 m^2 trong đó: Diện tích đất do chênh lệch giữa diện tích theo quyết định thu hồi với diện tích đang sử dụng của hộ gia đình: 91 m^2 ; diện tích chưa bồi thường 421 m^2 .

Tại Công văn số 416/UBND-TTPTQĐ ngày 13/3/2018, Công văn số 612/UBND-TTPTQĐ ngày 30/3/2018, trong phiên đối thoại ngày 03/4/2018, Công văn số 1357/UBND-VP ngày 09/7/2018 và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - UBND thành phố Đ trình bày:

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên đường H2 nối dài được UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định thu hồi đất số 3046/QĐ-UB ngày 07/12/2001 với tổng diện tích đất thu hồi là 87.695m² thuộc Phường X và phường Đ1, thị xã Đ, trong đó hộ ông A bị thu hồi có 04 thửa đất.

Căn cứ vào số liệu thu hồi đất, Hội đồng giải phóng mặt bằng thị xã Đ đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và đã được UBND tỉnh phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định 1242/QĐ-UB ngày 20/6/2002 với tổng kinh phí là 685.073.000 đồng và Quyết định số 2063/QĐ-UB ngày 26/9/2002 với tổng kinh phí là 1.058.856.000 đồng; UBND thị xã Đ phê duyệt tại Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 22/8/2004 với tổng giá trị 563.100.000 đồng (trong đó, có hộ gia đình ông A).

Theo Quyết định thu hồi đất số 3046/QĐ-UB ngày 07 tháng 12 năm 2001 của UBND tỉnh Quảng Trị gia đình ông A bị thu hồi 04 thửa đất với tổng diện tích thu hồi 3.501 m², cụ thể: Thửa đất loại RTS gồm 03 thửa (Thửa đất số 259 có diện tích: 48m², Thửa đất số 281 có diện tích: 427m² và Thửa đất số 416 có diện tích: 748m²); thửa đất T có 01 thửa có diện tích 2.278 m².

Ngày 08/4/2002, Hội đồng giải phóng mặt bằng thị xã Đ lập phương án chi tiết và trình phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình với tổng giá trị là 91.946.000 đồng, cụ thể các hạng mục sau:

Đất đai: Đất vườn tại thửa đất số 291 là: $2.158\text{m}^2 \times 14.938\text{m}^2 = 32.236.000$ đồng.

Đất RTS tại các thửa số 259; 281; 416 là: $1.223 \text{ m}^2 \times 300\text{đ}/\text{m}^2 = 367.000$ đồng.

(Ghi chú: Theo Quyết định thu hồi đất tại thửa đất số 291 có tổng diện tích thu hồi 2.278 m² nhưng chỉ bồi thường 2.158m², còn lại 120m² đất bố trí tái định cư tại chỗ cho gia đình nên không bồi thường, hỗ trợ).

+ Nhà cửa: có tổng giá trị 22.396.000 đồng.

+ Vật kiến trúc có tổng giá trị: 7.234.000 đồng.

+ Cây cối: có tổng giá trị 26.298.000 đồng.

+ Hỗ trợ khác: có tổng giá trị 3.415.000 đồng.

- Ngày 20/6/2002, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số: 1242/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ thiệt hại GPMB xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên đường H2 nối dài- thị xã Đ (giai đoạn 1) cho 40 đối tượng, hộ gia đình, cá nhân có tổng giá trị là 785.073.000 đồng (trong đó hộ gia đình ông A với tổng giá trị là 91.946.000 đồng).

- Ngày 13/7/2002, tại Phòng tiếp công dân UBND thị xã Đ các đơn vị liên ngành đã làm việc trực tiếp với các hộ gia đình có kiến nghị về diện tích đất thu hồi (trong đó có hộ gia đình ông A). Tại buổi làm việc, hộ gia đình ông A đề nghị kiểm tra lại hiện trạng diện tích đất thực tế sử dụng (theo số liệu thu hồi đất

tại Quyết định 3046/QĐ-UB thì thửa đất số 291 có diện tích 2.278 m² đất thổ cư nhưng gia đình nộp thuế 3.302 m²). Sau khi kiểm tra lại các văn bản liên quan và kiểm tra thực tế. Hội đồng thống nhất: Đối với trường hợp hộ ông A như sau: Diện tích theo sổ mục kê là 3.302 m², diện tích đã được bồi thường, hỗ trợ đường H2 nối dài là 185m². Diện tích đất điều chỉnh lại theo Quyết định thu hồi 3046/QĐ-UB ngày 07/12/2001 tại thửa đất số 291 là 3.117m² (bao gồm thửa đất số 415 theo sơ đồ thu hồi đất giai đoạn 1). Nội dung cuộc họp đã được các hộ gia đình thống nhất (Trong đó, có hộ ông A) do bà B (vợ của ông A) là người đại diện thống nhất ký tên vào biên bản cuộc họp.

Căn cứ nội dung biên bản cuộc họp, Hội đồng giải phòng mặt bằng thị xã Đ đã tính toán bổ sung phần diện tích đất thu hồi (theo số liệu thống nhất tại Biên bản cuộc họp ngày 13/7/2002) và công khai cho hộ gia đình.

Ngày 27/8/2002, Hội đồng GPMB thị xã đã lập phương án chi tiết trình phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích đất thu hồi tại thửa đất số 291 cho gia đình ông A như sau:

Đất vườn tại thửa đất số 291 là: $839 \text{ m}^2 \times 14.938 \text{ m}^2 = 12.533.000$ đồng.

Đối với yêu cầu gia đình ông A yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố Đ và ban hành công văn mới kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị ra Quyết định trả lại cho gia đình diện tích 384m² đất đã bị thu hồi xây dựng dự án Khu dân cư hai bên đường H2 nối dài nhưng chưa bồi thường là không có cơ sở.

Tại Công văn số: 1357/UBND-VP ngày 09 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa UBND thành phố Đ cho rằng:

Theo quy định tại Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định:

1. *Quyết định hành chính* là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể.

2. *Quyết định hành chính bị kiện* là quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà quyết định đó làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Như vậy, Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ về việc trả lời kiến nghị của công dân chỉ là văn bản hành chính thông thường, không phải là quyết định hành chính, dùng để thông tin cho công dân biết nội dung kiến nghị của họ không có cơ sở để xem xét giải quyết. Vì qua rà soát hồ sơ thì diện tích đất họ đang kiến nghị đã được UBND tỉnh Quảng Trị ra quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo quy định. UBND thành phố Đ chỉ là đơn vị thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở được giao trên cơ sở các quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị.

Mặt khác, Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố Đ không đề cập đến việc trả hay không trả lại diện tích 384m² đất đã bị thu hồi; ông A và bà B có quyền gửi đơn đến UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ không làm hạn chế hay chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Tại Thông báo số 01/2018/TLST-HC ngày 29/01/2018 của TAND tỉnh Quảng Trị đã chỉ ra nội dung cụ thể người khởi kiện yêu cầu: “UBND thành phố Đ thực hiện ban hành công văn mới kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị ra quyết định trả lại cho gia đình ông, bà diện tích đất 384m² đã bị thu hồi xây dựng dự án Khu dân cư hai bên đường H2 nối dài nhưng chưa bồi thường.” Tuy nhiên, quá trình thu thập, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thì người khởi kiện luôn trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án với các nội dung liên quan đến Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ là không đúng với nội dung, mục đích yêu cầu giải quyết vụ án.

Nếu ông A, bà B yêu cầu giải quyết đôi với quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ của UBND tỉnh Quảng Trị thì đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị yêu cầu đương sự khởi kiện vụ án hành chính khác hoặc xác định của các đương sự trong vụ án khi có quyết định đưa vụ án ra tại Công văn số 3552/UBND-TN ngày 16/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày:

Thực hiện việc thu hồi đất xây dựng công trình đường H2 nối dài và Cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên đường H2 thì tổng diện tích của ông A bị thu hồi là 3.686m².

+ Loại đất T (đất ở + vườn) có diện tích 2.463 m², UBND tỉnh thu hồi tại các Quyết định số 874/QĐ-UB ngày 19/6/2000 (diện tích 185m² thuộc thửa đất 92); Quyết định 3046/QĐ-UB ngày 07/12/2001 (diện tích 2.278 m² thuộc thửa 291) và diện tích này đã được phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 97.046.000 đồng tại các Quyết định số 2016/QĐ-UB ngày 09/11/2000; số 1058/QĐ-UB ngày 14/5/2001; số 1242/QĐ-UB ngày 20/6/2002 của UBND tỉnh và Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 22/8/2004 của UBND thị xã Đ.

+ Loại đất RTS (đất trồng rừng sản xuất) có diện tích 1.223m² (thuộc các thửa đất số 259,281,416), UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 3046/QĐ-UB ngày 07/12/2001 và diện tích này đã được phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền 91.946.000 đồng tại Quyết định số 1242/QĐ-UB ngày 20/6/2002 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Ngày 13/7/2002, đề giải quyết kiến nghị của hộ gia đình, UBND thị xã Đ đã tổ chức buổi họp liên ngành đã thống nhất xác định diện tích thu hồi của ông A là 3.302 m², trong đó: 185 m² thu hồi tại Quyết định 874/QĐ-UB; 2.278m² thu hồi tại Quyết định số 3046/QĐ-UB ngày 07/12/2002 của UBND tỉnh.

Ngày 26/9/2002, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ thiệt hại để giải phóng mặt bằng xây dựng

cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên đường H2 nối dài thị xã Đ (giai đoạn 2) cho 31 đối tượng với số tiền là 1.058.856.000 đồng. Trong đó, hộ gia đình ông A được bồi thường số tiền là 12.533.000 đồng cho phần diện tích 839m² bổ sung.

Qua kiểm tra hồ sơ thu hồi đất xây dựng công trình đường H2 nối dài và Cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên đường H2 thì đối với phần diện tích đất 839m² nêu trên chưa có quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, đã được UBND tỉnh phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định 2063/QĐ-UB ngày 26/9/2002 và gia đình ông A đã đồng ý ký nhận tiền.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 09,16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B: Hủy Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ.

Buộc UBND thành phố Đ kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị trả lại phần diện tích đất thu hồi, bồi thường chưa đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/10/2018, người khởi kiện là ông A và bà B có đơn kháng cáo đề nghị sửa một phần quyết định Bản án sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 09,16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo hướng: Kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị trả lại cho gia đình diện tích đất: 1351 m², trong đó: - diện tích đã thu hồi nhưng chưa bồi thường là: 512 m²; - diện tích đất chưa thu hồi nhưng đã giao cho UBND thành phố Đ quản lý: 839 m².

Ngày 09/11/2018, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Đ có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 09,16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Công văn 2225/UBND-TTTPQĐ thành phố Đ là quyết định hành chính, việc UBND thành phố Đ kháng cáo cho rằng công văn trên không phải là quyết định hành chính là không đúng; về diện tích đất hộ ông A bà B là 3.302 m² đủ điều kiện được bồi thường: là loại đất khai hoang trước ngày 15/10/1993, loại đất thổ cư (đất T), sản xuất nông nghiệp, có trên trang số 182 Sổ mục kê đất, Phường X-TP Đ, số thửa 17, bản đồ giải thửa số 25 năm 2000, Phường X, đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước với diện tích 3.302m² theo xác nhận tại Công văn số 474/CCT-THNVDT ngày 18/4/2018 của Chi cục thuế TP Đ, sổ bộ thuế năm 2001 số thứ tự 147 diện tích nộp thuế 3.302m² mang tên Hoàng Quyết. Diện tích đất 3.302m² thu hồi để sử dụng hai dự án: Theo quyết định số

874 của UBND tỉnh ngày 19/6/2000 thu hồi đường H2 nổi dài diện tích 185 m², loại đất T, theo Quyết định 3046 của UBND tỉnh ngày 7/12/2001, thửa số 291: 2.278m²; tổng diện tích thu hồi hai dự án 2463 m². Diện tích còn lại không có quyết định thu hồi là 839m². Mặc dù không ban hành quyết định thu hồi nhưng UBND thành phố Đ vẫn đưa vào quản lý dự án là trái quy định điều 21 Luật đất đai 1993. UBND tỉnh Quảng Trị có tham gia với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan nên đề nghị áp dụng điều 21 Luật đất đai 1993, khoản 2, khoản 3 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 251 LTTHC chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm: Yêu cầu UBND tỉnh Quảng Trị trả lại diện tích đất cho hộ ông A, bà B do thu hồi, bồi thường không đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến: Bản án sơ thẩm là không phù hợp, Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ là văn bản hành chính thông thường không chứa đựng quyết định hành chính, việc bồi thường không thuộc thẩm quyền UBND tỉnh Quảng Trị mà do Hội đồng giải phóng mặt bằng đề nghị UBND tỉnh. Hộ ông A đã nhận tiền bồi thường. Bản án sơ thẩm buộc trả lại đất cho hộ ông A là không đúng vì, theo quy định của UBND tỉnh Quảng Trị thì chỉ trả lại đất cho các hộ bị thu hồi đất nhưng chưa có quyết định thu hồi và chưa bồi thường.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến quan điểm như sau: Tòa án phúc thẩm thực hiện đầy đủ và đúng quy định tố tụng dân sự. Về nội dung: Việc bồi thường đất của hộ ông A và bà B là không đúng. Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ là quyết định hành chính, Tòa án sơ thẩm đã hủy công văn trên là có căn cứ đúng pháp luật, về quyết định án sơ thẩm Buộc UBND thành phố Đ kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị trả lại diện tích thu hồi, bồi thường chưa đúng quy định của pháp luật cần sửa lại là: Kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị xem xét việc thu hồi và bồi thường đất, trả lại diện tích đất của hộ ông A và bà B do thu hồi và bồi thường không đúng.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông A và bà B và kháng cáo của UBND thành phố Đ, thấy:

Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ có nội dung trả lời kiến nghị của ông A bà B về khiếu nại việc thu hồi, bồi thường đất của ông A bà B là quyết định hành chính. Hộ ông A và bà B khai hoang sử dụng đất từ trước 15/10/1993 đến năm 2000 đăng ký sử dụng đất thể hiện trong sổ mục kê, trang 182, tờ bản đồ số 25(22-AG-II-B) là thửa số 17 lập năm 2000 của Phường X, có diện tích: 3.302 m²(T); mặc dù chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng

hộ ông A bà B đã sử dụng liên tục, công khai ổn định và không có tranh chấp, thực hiện nghĩa vụ thuế cho nhà nước hàng năm. Thửa đất số 17 của ông A bà B trùng với các thửa 291, thửa 415, thửa 92, thửa 93 theo các Quyết định thu hồi đất số 3046/QĐ-UB ngày 7/12/2001(gồm các thửa 291, 415) và Quyết định số 874/QĐ-UB (gồm các thửa 92,93) của UBND tỉnh Quảng Trị. Quá trình thu đất của UBND tỉnh Quảng Trị đối với hộ ông A bà B gồm: Quyết định số 874/QĐ-UB ngày 19/6/2000 của UBND tỉnh Quảng Trị thu hồi đất thửa 92(T) 185 m² để làm đường H2 nối dài, Quyết định số 3046/QĐ-UB ngày 7/12/2001 của UBND tỉnh Quảng Trị thu hồi thửa 291 diện tích đất 2.278 m² nhưng ghi loại đất là Rts là không đúng với mục đích sử dụng đất của ông A đã được đăng ký trong sổ mục kê năm 2000 của Phường X là đất (T), để xây dựng cơ sở hạ tầng hai bên đường H2, tổng diện tích thu hồi: 2.278 m² Rts+ 185m² (T)= 2.463 m². Ngày 20/6/2002, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định 1242/QĐ-UB về việc duyệt kinh phí đền bù thiệt hại, trong đó có hộ ông A được đền bù số tiền: 91.946.000, đồng; ngày 26/12/2002, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ, đền bù, trong đó có hộ ông A được đền bù thêm(lần 2) số tiền: 12.533.000, đồng giá trị 839 m² đất (T) còn thiếu của ông A (839 m²x 4.938 đồng/m²) theo sổ mục kê là: 3.302 m²- 2.463 m²= 839 m², ông A đã nhận tiền cả hai đợt; tuy nhiên, đối với diện tích 839 m² (T) theo sổ mục kê là loại đất thổ cư UBND tỉnh Quảng Trị chưa có quyết định thu hồi. Mặc dù chưa có quyết định thu hồi, nhưng UBND tỉnh Quảng Trị đã giao toàn bộ diện tích đất 3.302 m² của ông A bà B cho UBND thành phố Đ quản lý sử dụng từ năm 2001. Điều 21 Luật đất đai 1993 quy định: “Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ tiến hành sau khi có quyết định thu hồi”. Như vậy, đối với diện tích 839 m²(T) của ông A và bà B đang sử dụng ổn định liên tục, có đăng ký tại sổ mục kê của UBND Phường X năm 2000, UBND tỉnh Quảng Trị chưa có quyết định thu hồi đối với diện tích đất này nhưng đã giao cho UBND thành phố Đ để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên đường H2 nối dài là không đúng quy định của Luật đất đai 1993; đồng thời việc thu hồi ghi diện tích 2.278 m² loại đất Rts là không đúng mục đích sử dụng ông A là loại đất (T). Do đó, việc thu hồi đất và bồi thường theo loại đất của hộ ông A và bà B của UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23, Điều 25, Điều 27, Điều 28 của Luật đất đai năm 1993 quy định, thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc giao đất và thu hồi đất đối với hộ gia đình có đất thuộc khu dân cư nông thôn, đất đô thị; thời điểm thu hồi đất của hộ ông A và bà B vào năm 2001 khi Luật đất đai năm 1993 đang có hiệu lực thi hành, nên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành các quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông A bà B là đúng theo thẩm quyền. Do đó, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị tiến hành rà soát xem xét lại việc thu hồi đất, bồi thường về đất và trả lại diện tích đất cho hộ ông A bà B do thu hồi, bồi thường không đúng quy định pháp luật.

[3] Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A,

bà B hủy công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ là có căn cứ; tuy nhiên, cần kiến nghị UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện xem xét lại việc thu hồi đất, bồi thường đất và trả lại diện tích đất thu hồi bồi thường chưa đúng pháp luật của hộ ông A và bà B tại Phường X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho đúng pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của ông A và bà B và một phần kháng cáo của UBND thành phố Đ sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Người khởi kiện ông A và bà B; người bị kiện UBND thành phố Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho người kháng cáo ông A và bà B, UBND thành phố Đ. Người khởi kiện ông A và bà B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông A và bà B; người bị kiện UBND thành phố Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 21,23, 25,27,28 Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, nộp án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn UBND thành phố Đ. Chấp nhận kháng cáo của ông A và bà B sửa bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 09,16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị như sau:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B: Hủy Công văn số 2225/UBND-TTPTQĐ ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị thực hiện rà soát lại việc thu hồi đất và bồi thường đất, trả lại diện tích đất cho hộ ông A và bà B do thu hồi, bồi thường không đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm UBND thành phố Đ phải chịu 300.000, đồng(Ba trăm ngàn đồng).

Ông A và bà B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông A và bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số AA/2010/000519 ngày 19/1/2018 của Cục thi hành án tỉnh Quảng Trị.

Án phí hành chính phúc thẩm UBND thành phố Đ không phải chịu. Hoàn trả cho UBND thành phố Đ số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000,đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số AA/2010/000570 ngày 14/11/2018 của Cục Thi hành án tỉnh Quảng Trị .

Án phí hành chính phúc thẩm ông A và bà B không phải chịu. Hoàn trả cho ông A và bà B số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000,đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số AA/2010/ 000 567 ngày 2/11/2018 của Cục Thi hành án tỉnh Quảng Trị.

3.Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn